| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CM**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06-10-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Hà Thế Nam

*Các Hội thẩm nhân dân*: ông Lê Đức Dũng và ông Lê Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Khổng Đoàn Thiện M, sinh năm: 1988; nghề nghiệp: nhân viên kinh doanh; nơi đăng ký thường trú: số 160, CMT, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện nay: phòng MC, tầng ML- CT2, chung cư S, số 63, đường số 1, phường P, Quận C, TP. Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

*2. Bị đơn:* anh Đinh Văn L, sinh năm: 1980; nghề nghiệp: làm rẫy; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: ấp D, xã N, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Khổng Đoàn Thiện M trình bày: chị và anh Đinh Văn L tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian ngắn; sau đó chuyển về sinh sống trong rẫy sầu riêng của cha mẹ chồng. Lúc này anh L làm rẫy cho gia đình, còn bản thân chị thì vẫn làm công

việc marketing qua mạng internet. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 5/2017 thì bắt đầu có mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh L mê chơi game online và tính tình thay đổi, thường hay cáu gắt, kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng chị vô cớ; chị đã cố gắng chịu đựng để chăm con cho đến khi con được 02 tuổi thì anh L cũng bỏ được game. Mặc dù đã bỏ game nhưng tính tình anh L vẫn không thay đổi, luôn chửi mắng, xúc phạm chị một cách vô cớ, làm cho cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt. Chị có báo cho cha mẹ 02 bên và họ có khuyên bảo anh L nhưng anh L chỉ hứa sửa đổi lúc đó, còn sau khi mọi người về thì vẫn đâu vào đấy; có lần anh L còn nhốt chị vào trong nhà vệ sinh. Do không chịu đựng được nữa nên chị đã viết đơn xin ly hôn và khi anh L buộc chị rút đơn không được thì đã đuổi chị ra khỏi nhà vào ngày 11/7/2020, không cho dẫn con theo, vợ chồng ly thân đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh L. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 04/02/2017; từ khi vợ chồng ly thân thì cháu T ở cùng với ông bà nội và anh L; tuy nhiên từ ngày 15/9/2020 anh L đã giao lại cháu T cho chị nuôi dưỡng đến nay; chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Khổng Đoàn Thiện M (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con (bản sao chứng thực); giấy xác nhận lương (bản chính); đơn xin xác nhận V/v xác nhận nơi cư trú của Đinh Văn L (bản chính); phiếu EMS; biên lai thu tạm ứng án phí (bản chính); bản tự khai; bản tự khai bổ sung; đơn đề nghị không hòa giải; đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

* Bị đơn (anh Đinh Văn L) vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập nên không có lời trình bày và cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ nào.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh, thu thập được các tài liệu, chứng cứ: biên bản lấy lời khai nguyên đơn; biên bản xác minh địa chỉ cư trú của bị đơn; biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị L (mẹ của bị đơn).

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật; nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình

(sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) năm 2014 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị M được ly hôn anh L; về con chung: giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, do chị M không yêu cầu nên tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét; về án phí: chị M chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự được công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Khổng Đoàn Thiện M khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đinh Văn L và yêu cầu được giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị M là nguyên đơn, anh L là bị đơn; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn (chị Khổng Đoàn Thiện M) có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Đinh Văn L) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị Khổng Đoàn Thiện M và anh Đinh Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 11/2/2015, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M nhận thấy: theo chị M, do trong quá trình vợ chồng chung sống anh L nghiện game, dẫn đến thay đổi tính cách, thường hay cáu gắt, kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng chị vô cớ bằng những lời lẽ thô tục, xúc phạm chị và gia đình chị khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, ngột ngạt nên chị quyết định nộp đơn ly hôn; đến ngày 11/7/2020 anh L đuổi chị ra khỏi nhà vì lý do chị không chịu rút yêu cầu khởi kiện ly hôn. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập được lời khai của anh L để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng qua lời khai của bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột anh L) cho thấy giữa chị M và anh L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng lần này bản thân bà thấy rằng anh L cũng không mong muốn đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên

thực tế, hôn nhân không hạnh phúc nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn anh L.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị Mẫn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là cháu Đinh Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 04/02/2017 và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng. Nhận thấy: cháu T là gái, tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ; ngoài ra, theo chị M thì từ giữa tháng 9/2020 anh L đã giao cháu T cho chị trực tiếp chăm sóc; do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M: giao cháu T cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: do không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng, pháp luật áp dụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Khổng Đoàn Thiện M được ly hôn anh Đinh Văn L.

2. Về con chung: giao cháu Đinh Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 04/02/2017 cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Tạm thời anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Khổng Đoàn Thiện M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001990 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hà Thế Nam**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện**;**
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Lưu HS, AV.